

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1985.

Nơi ĐKNKTT: Thôn ĐPV, xã TS, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Thân Trọng T, sinh năm 1985.

Nơi ĐKNKTT: Thôn ĐPV, xã TS, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Thân Trọng T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Thân Trọng T.

2.2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự:

Giao cháu Thân Thị Nguyệt H, sinh ngày 12/4/2011 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 7/2020 đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Anh Thân Trọng T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi việc nuôi con chung.

2.3 Về tài sản chung: Chị Lê Thị N và anh Thân Trọng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 150.000^đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0002188 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Trả lại cho chị N 150.000^đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. Anh Thân Trọng T phải chịu 150.000^đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã TS, huyện NC;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Vp.

THẨM PHÁN

Đã ký

Võ Kỳ Anh